

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	8 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh (sau đây gọi là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1536/QĐ-BXD ngày 28/12/1998 của Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 055926 cấp ngày 05/04/1999, thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch quốc tế: Dong Anh Investment Construction and Building materials Jointstock Company.

Tên viết tắt: DOMATCO

Công ty có trụ sở chính tại: Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Trong năm 2009, Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán về việc trở thành công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009, với số vốn điều lệ là 20.250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), chia thành 2.025.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI) (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 1.049.958 cổ phần, chiếm 51,85% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nắm giữ 100.461 cổ phần, chiếm 4,96% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 874.581 cổ phần, chiếm 43,19% vốn điều lệ của Công ty.

Theo đó, LICOGI giữ vai trò là Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát trong việc ra quyết định đối với hoạt động tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ và các Công ty con bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp amiăng, xi măng;
- Sản xuất kinh doanh tấm lợp kim loại màu và các sản phẩm tấm lợp khác;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh cầu trục, cổng trục và kết cấu thép (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đầu tư phát triển các khu đô thị mới và khu công nghiệp tập trung;
- Kinh doanh nhà và kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh khai thác cảng sông nội địa, dịch vụ logistic;
- Cho thuê kho bãi chứa hàng hoá và vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sông và biển;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic: Sản xuất cửa nhựa, cửa sổ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa nhôm, cửa chớp; Vách ngăn phòng bằng kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

Và các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh đầu tư vào Công ty con, nắm quyền kiểm soát Công ty này trong việc ra các quyết định tài chính và quyết định kinh doanh. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty mẹ con do Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh giữ vai trò là Công ty mẹ.

Tại ngày 31/12/2009, các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2009	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh 6	3.162.000.000	6.200.000.000	51%	51%
Địa chỉ: Thôn Đông Sương, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình				
Đại diện sở hữu vốn: Ông Trần Thanh Hiền - Giám đốc				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đoàn Hùng	2.805.000.000	5.500.000.000	51%	51%
Địa chỉ: Thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ				
Đại diện sở hữu vốn: Ông Lê Văn Nghĩa - Giám đốc				
Cộng	5.967.000.000	11.700.000.000		

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Báo cáo tài chính của các Công ty con là Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

Tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 8 đến trang 26 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đình Tư	Chủ tịch
Ông Ưng Tiến Đỗ	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Tuynh	Ủy viên
Bà Trần Thị Minh Hương	Ủy viên
Ông Chu Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Ủy viên
Ông Phạm Bình Minh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Đình Tư	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hữu Tuynh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Minh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Bà Nguyễn Thị Hằng	Miễn nhiệm từ 30/04/2009
Bà Hoàng Thị Thu An	Bổ nhiệm từ 01/05/2009

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Bí	Trưởng Ban
Ông Hoàng Ngọc Bội	Thành viên
Bà Trịnh Thị Vy	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và vận hành hệ thống Kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp ý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Đình Tư
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2010

Số: *167* /2010/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh*

Kính gửi

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo của Công ty được trình bày từ trang 8 đến trang 26 kèm theo, trên cơ sở các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 5, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Hạn chế về phạm vi

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 của Công ty chưa được kiểm toán. Các thủ tục kiểm toán không cung cấp được cho chúng tôi các bằng chứng khách quan cần thiết để đánh giá tính hiện hữu của tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này đối với các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/2009. Số liệu năm 2008 bao gồm giá trị các giao dịch nội bộ và lưu chuyển tiền giữa các đơn vị chưa được loại trừ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính vì các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.



Phạm Thị Hồng Liên

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 1311/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2010

Nguyễn Minh Long

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0666/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.122.265.526	48.012.004.624
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	11.067.694.670	2.472.856.984
Tiền	111		11.067.694.670	2.472.856.984
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.150.464.487	11.302.975.105
Phải thu khách hàng	131		17.941.516.055	10.778.720.969
Trả trước cho người bán	132		1.457.670.361	1.204.371.645
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	8.999.455
Các khoản phải thu khác	135	4.2	1.590.067.676	149.672.641
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(838.789.605)	(838.789.605)
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	21.783.225.121	30.751.238.249
Hàng tồn kho	141		21.783.225.121	30.913.820.487
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(162.582.238)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.120.881.248	3.484.934.286
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.4	4.694.328.837	1.601.009.505
Thuế GTGT được khấu trừ	152		362.977.239	473.710.076
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.309.757.009	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.5	753.818.163	1.410.214.705
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.063.458.252	33.102.258.616
II. Tài sản cố định	220		44.183.458.252	33.102.258.616
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	30.069.204.196	19.651.337.068
- Nguyên giá	222		64.798.258.957	51.158.555.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.729.054.761)	(31.507.218.585)
Tài sản cố định vô hình	227	4.7	8.712.826.000	-
- Nguyên giá	228		8.890.639.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.813.000)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.8	5.401.428.056	13.450.921.548
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.880.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.9	2.880.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.185.723.778	81.114.263.240

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.954.571.116	56.363.872.458
I. Nợ ngắn hạn	310		65.281.150.220	54.469.777.543
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	26.872.620.426	17.239.126.658
Phải trả người bán	312		22.811.954.166	31.674.979.577
Người mua trả tiền trước	313		573.586.200	286.829.200
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.11	1.537.590.150	927.437.826
Phải trả người lao động	315		4.841.323.338	3.732.613.838
Chi phí phải trả	316	4.12	405.667.270	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.13	8.238.408.670	608.790.444
II. Nợ dài hạn	330		1.673.420.896	1.894.094.915
Vay và nợ dài hạn	334		-	594.924.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.673.420.896	1.299.170.915
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.954.687.088	21.569.137.324
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	29.409.551.133	19.557.536.363
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.250.000.000	9.338.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.512.805.793
Vốn khác của chủ sở hữu	413		9.700	4.399.003.907
Quỹ đầu tư phát triển	417		6.340.820.912	2.728.835.425
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.346.659.394	1.578.691.238
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		472.061.127	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.545.135.955	2.011.600.961
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3.545.135.955	2.011.600.961
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		7.276.465.574	3.181.253.458
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		107.185.723.778	81.114.263.240



Lê Đình Tư
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2010

Hoàng Thị Thu An
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		344.858.775.504	302.770.104.355
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	344.858.775.504	302.770.104.355
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	308.871.638.001	273.436.927.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.987.137.503	29.333.176.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	607.743.587	311.393.330
7. Chi phí tài chính	22	5.4	2.638.315.720	3.408.679.283
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.109.844.768	3.408.679.283
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	6.715.084.009	6.110.492.480
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	14.894.360.847	12.586.646.243
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.347.120.514	7.538.751.967
11. Thu nhập khác	31		1.485.813.987	629.167.514
12. Chi phí khác	32		336.605.036	130.907.390
13. Lợi nhuận khác	40		1.149.208.951	498.260.124
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.496.329.465	8.037.012.091
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.884.358.585	2.104.422.607
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.611.970.881	5.932.589.484
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1.951.717.135	902.326.006
Lợi ích của cổ đông Công ty	62		9.660.253.745	5.030.263.478
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	10.024	5.387



Lê Đình Tư
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2010

Hoàng Thị Thu An
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	316.574.707.055	270.140.471.995
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(274.218.480.137)	(257.384.208.882)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.167.450.350)	(26.677.741.047)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.701.606.189)	(3.211.900.343)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.154.093.868)	(980.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.498.832.253	22.973.205.072
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(9.435.807.309)	(931.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.396.101.455	3.928.326.795
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.383.469.704)	(406.267.769)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	409.961.038	85.714.286
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.880.000.000)	
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	955.258.929	286.273.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.898.249.737)	(34.279.593)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	5.000.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	100.511.229.240	62.374.643.191
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(92.172.659.472)	(65.775.617.467)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.241.583.800)	(1.752.494.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.096.985.968	(5.153.468.276)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8.594.837.686	(1.259.421.074)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.472.856.984	3.732.278.058
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.067.694.670	2.472.856.984



Lê Đình Tư
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2010

Hoàng Thị Thu An
Phụ trách kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh (sau đây gọi là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1536/QĐ-BXD ngày 28/12/1998 của Bộ Xây Dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 055926 cấp ngày 05/04/1999, thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch quốc tế: Dong Anh Investment Construction and Building materials Jointstock Company.

Tên viết tắt: DOMATCO

Công ty có trụ sở chính tại: Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Trong năm 2009, Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán về việc trở thành công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009, với số vốn điều lệ là 20.250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), chia thành 2.025.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI) (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 1.049.958 cổ phần, chiếm 51,85% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nắm giữ 100.461 cổ phần, chiếm 4,96% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 874.581 cổ phần, chiếm 43,19% vốn điều lệ của Công ty.

1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ và Công ty con bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp amiăng, xi măng;
- Sản xuất kinh doanh tấm lợp kim loại màu và các sản phẩm tấm lợp khác;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh cầu trục, cổng trục và kết cấu thép (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đầu tư phát triển các khu đô thị mới và khu công nghiệp tập trung;
- Kinh doanh nhà và kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh khai thác cảng sông nội địa, dịch vụ logistic;
- Cho thuê kho bãi chứa hàng hoá và vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sông và biển;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic: Sản xuất cửa nhựa, cửa sổ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa nhôm, cửa chớp, cổng; Vách ngăn phòng bằng kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

Và các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Dưới đây là các chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

3.1 Áp dụng các Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các Công ty con và Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 Các khoản phải thu và dự phòng

Các khoản phải thu của khách hàng được trình bày theo giá trị của hóa đơn gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là khó đòi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá thị trường tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước, giá thành sản phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền hàng tháng.

Giá thành sản phẩm sản xuất được tính toán hàng tháng và được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh tập hợp cho từng loại sản phẩm đã được quy tiêu chuẩn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 42
Máy móc, thiết bị	3 - 4
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao trong 25 năm.

3.9 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Trên Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Việc ghi nhận giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết mới thành lập được thực hiện theo tiến độ góp vốn thực tế tương ứng với việc xác nhận vốn góp từ công ty nhận khoản đầu tư.

3.10 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là giá trị khuôn tôn silic, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

3.11 Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm.

Đối với các khoản chi phí trả trước dài hạn, thời hạn phân bổ chi phí phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

3.13 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ trên được phản ánh vào chỉ tiêu Doanh thu tài chính hoặc Chi phí tài chính trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ) liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch trên thị trường ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố cùng ngày. Chênh lệch tỷ giá trong trường hợp này được phản ánh theo quy định của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009, theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập tài chính mà để số dư trên Báo cáo tài chính hợp nhất, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư.

Khoản lợi nhuận (nếu có) do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ không dùng để xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và không chia cho các cổ đông.

3.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15 Thuế và các phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty là 25%. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009 được giảm 30% theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định pháp lý hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.900.250.377	1.185.054.136
Tiền gửi ngân hàng	9.167.444.293	1.287.802.848
Cộng	11.067.694.670	2.472.856.984

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân chưa thu	30.617.125	42.810.500
Phải thu tiền đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng	1.042.486.111	-
Phải thu tiền góp vốn của CBCNV vào Domatco 8	409.348.000	
Phải thu khác (*)	107.616.440	106.862.141
Cộng	1.590.067.676	149.672.641

(*) Trong đó, khoản phải thu Công ty Cổ phần Nam Long số tiền 95.000.000 đồng đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100%.

4.3 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Nguyên vật liệu	20.652.016.807	28.836.737.932
Chi phí SXKD dở dang	57.561.681	33.896.626
Thành phẩm	1.073.646.633	2.043.185.929
Giá trị gốc của hàng tồn kho	21.783.225.121	30.913.820.487
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(162.582.238)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	21.783.225.121	30.751.238.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Khuôn tôn silic	4.290.110.695	1.123.529.505
Kệ để ngồi	161.236.000	228.587.000
Công cụ dụng cụ	242.982.142	248.893.000
Cộng	4.694.328.837	1.601.009.505

4.5 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	753.818.163	1.410.214.705
Cộng	753.818.163	1.410.214.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)**4.6 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	8.599.016.847	33.429.890.137	8.108.871.450	826.095.949	194.681.270	51.158.555.653
- Tăng do mua mới	-	770.985.062	1.683.666.972	96.467.143	-	2.551.119.177
- XDCB hoàn thành	5.970.976.604	7.489.205.057	199.000.000	-	-	13.659.181.661
- Thanh lý	-	(40.000.000)	(1.247.775.000)	(494.553.298)	-	(1.782.328.298)
- Giảm khác	-	(357.142.800)	(431.126.436)	-	-	(788.269.236)
Tại ngày 31/12/2009	14.569.993.451	41.292.937.456	8.312.636.986	428.009.794	194.681.270	64.798.258.957
HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	4.442.941.188	21.121.556.658	5.230.625.880	622.541.833	89.553.026	31.507.218.585
- Trích khấu hao	1.124.566.289	3.198.743.772	1.023.967.151	108.551.462	-	5.455.828.674
- Thanh lý	-	(40.000.000)	(1.247.775.000)	(494.553.298)	-	(1.782.328.298)
- Giảm khác	-	(139.482.200)	(312.182.000)	-	-	(451.664.200)
Tại ngày 31/12/2009	5.567.507.477	24.140.818.230	4.694.636.031	236.539.997	89.553.026	34.729.054.761
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2009	4.156.075.659	12.308.333.479	2.878.245.570	203.554.116	105.128.244	19.651.337.068
Tại ngày 31/12/2009	9.002.485.975	17.152.119.226	3.618.000.955	191.469.797	105.128.244	30.069.204.196

Nguyên giá của những tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 17.640.734.544 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.7 Tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng san lấp đất tại Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh 6

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Chi phí đền bù đất nông nghiệp	4.418.912.609	3.636.311.200
Chi phí xây dựng tường rào khu đất mới	535.072.939	325.040.433
Đầu tư dây truyền sản xuất tấm lợp Lương Sơn (*)	-	8.345.569.915
Chi phí san lấp mặt bằng	17.932.000	-
Dàn máy tạo sóng chân không	-	1.144.000.000
Chi phí lắp đặt máy nghiền Amiăng	429.510.508	-
Cộng	5.401.428.056	13.450.921.548

4.9 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Số dư tại ngày 31/12/2009 là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kể từ khi góp vốn, Công ty liên kết đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.10 Vay và nợ ngắn hạn

Số dư tại ngày 31/12/2009 là các khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 09.153707.01.02 ngày 15/04/2009 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi Nhánh Đông Hà Nội.

4.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp	1.534.358.585	813.766.368
Thuế Thu nhập cá nhân	3.231.565	42.810.500
Thuế GTGT phải nộp	-	70.860.958
Cộng	1.537.590.150	927.437.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.12 Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Lãi vay phải trả Công ty Phúc Đại An	304.587.698	-
Chi phí khuyến mại	59.222.344	-
Phí thương hiệu	41.857.228	-
Cộng	405.667.270	-

4.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	254.307.873	52.532.543
Bảo hiểm xã hội	26.795.150	188.822.444
Phải trả cổ tức	2.199.314.000	-
Phải trả phần vốn góp vượt	5.587.670.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	170.321.647	367.435.457
Cộng	8.238.408.670	608.790.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.14 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2008	10.851.005.793	4.399.003.907	982.306.777	1.300.502.474	-	17.532.818.951
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.030.263.478	5.030.263.478
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	1.481.301.456	278.188.764	(2.396.241.678)	(636.751.459)
- Chi từ các quỹ	-	-	(100.000.000)	-	-	(100.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.634.021.800)	(2.634.021.800)
- Tăng/(Giảm) khác	-	-	365.227.193	-	-	365.227.193
Tại ngày 31/12/2008	10.851.005.793	4.399.003.907	2.728.835.425	1.578.691.238	-	19.557.536.363
Tại ngày 01/01/2009	10.851.005.793	4.399.003.907	2.728.835.425	1.578.691.238	-	19.557.536.363
- Tăng vốn trong năm	9.398.994.207	-	-	-	-	9.398.994.207
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.660.253.745	9.660.253.745
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	3.261.563.294	767.968.156	(6.220.552.618)	(2.191.021.168)
- Chi từ các quỹ	-	-	(14.805.000)	-	-	(14.805.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.967.640.000)	(2.967.640.000)
- Tăng/(Giảm) khác	-	(4.398.994.207)	365.227.193	-	-	(4.033.767.016)
Tại ngày 31/12/2009	20.250.000.000	9.700	6.340.820.912	2.346.659.394	472.061.127	29.409.551.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.14 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2009		Tại ngày 01/01/2009	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	1.150.419	56,81%	525.850	56,31%
Tổng Công ty xây dựng và Phát triển hạ tầng	1.049.958	51,85%	483.750	51,80%
Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc	100.461	4,96%	42.100	4,51%
Ông Lê Đình Tư - Chủ tịch HĐQT, TGD	19.534	0,96%	9.000	0,96%
Ông Vũ Hữu Tuynh - Ủy viên HĐQT, Phó TGD	18.883	0,93%	8.700	0,93%
Bà Trần Thị Minh Hương - Ủy viên HĐQT	20.122	0,99%	6.000	0,64%
Ông Chu Mạnh Hùng - Ủy viên HĐQT, Phó TGD	13.022	0,64%	6.000	0,64%
Ông Lê Văn Nghĩa - Ủy viên HĐQT, Phó TGD	13.456	0,66%	6.200	0,66%
Ông Phạm Bình Minh - Ủy viên HĐQT, Phó TGD	15.444	0,76%	6.200	0,66%
Các cổ đông khác	874.581	43,19%	407.970	43,69%
Các cổ đông là nhân viên trong Công ty	874.581	43,19%	407.970	43,69%
Tổng cộng	2.025.000	100,00%	933.820	100,00%
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000		10.000	
Tổng vốn điều lệ theo đăng ký (1000 đồng)	20.250.000		9.338.200	

	Năm 2009		Năm 2008	
	Số cổ phần phổ thông đang lưu hành Cổ phiếu	Thời gian duy trì trước thay đổi Ngày	Số cổ phần phổ thông đang lưu hành Cổ phiếu	Thời gian duy trì trước thay đổi Ngày
Vốn cổ phần tại ngày 01 tháng 01	933.820	355	9.338.200	366
Vốn cổ phần tăng trong năm	2.025.000	10	-	-
Cổ phiếu bình quân lưu hành	963.715	365	9.338.200	366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	344.858.775.504	302.770.104.355
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	344.858.775.504	302.770.104.355

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn hàng bán trong kỳ	309.034.220.239	273.436.927.712
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(162.582.238)	-
Cộng	308.871.638.001	273.436.927.712

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	200.000.000	119.202.340
Lãi tiền gửi ngân hàng và tiền hàng ứng trước	221.747.129	192.190.990
Tiền thu từ bán quyền	185.996.458	-
Cộng	607.743.587	311.393.330

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.638.315.720	3.408.679.283
Cộng	2.638.315.720	3.408.679.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.450.087.941	923.324.725
Chi phí bằng tiền khác	5.264.996.068	5.187.167.755
Cộng	6.715.084.009	6.110.492.480

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.078.986.198	6.964.454.251
Chi phí vật liệu quản lý	1.143.613.758	1.091.349.005
Chi phí đồ dùng văn phòng	440.837.260	406.802.146
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	547.840.742	542.538.132
Chi phí dự phòng	389.368.281	727.386.509
Thuế, phí và lệ phí	751.258.353	744.331.636
Chi phí bằng tiền khác	3.542.456.255	2.109.784.564
Cộng	14.894.360.847	12.586.646.243

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.884.358.585	2.104.422.607
Cộng	1.884.358.585	2.104.422.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)

5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	2.025.000	933.820
Cổ phiếu phổ thông đã được mua	2.025.000	933.820
Cổ phiếu phổ thông bình quân tính lãi (*)	963.715	933.820
Kết quả kinh doanh thuần thuộc về các cổ đông Công ty	9.660.253.745	5.030.263.478
Điều chỉnh bởi cổ tức ưu đãi	-	-
Kết quả thuần cơ bản	9.660.253.745	5.030.263.478
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.024	5.387

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin với bên liên quan

Số dư với bên liên quan

Tài khoản 131	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Công ty SXVLXD Quảng Ngãi	153.228.043	153.228.043
Công ty Lắp máy điện nước-LICOGI	42.858.062	42.858.062
Công ty XD CTN& HTKT-LICOGI	61.516.000	61.516.000
Chi nhánh Công Ty CP ĐT&XD số 18 Phả Lại	385.423.564	10.067.994
Liên Doanh SX VLXD Hà Nam - Phú Lý	110.424.204	-
Cộng	753.449.873	267.670.099

6.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008 chưa được kiểm toán. Một số số liệu đầu kỳ đã được phân loại lại cho phù hợp và nhằm mục đích so sánh.



Lê Đình Tư
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2010

Hoàng Thị Thu An
Phụ trách kế toán